

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN&PTNT-QLXDCT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Kè chống sạt, lở bờ sông Luông, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện Quan Sơn (Chủ đầu tư) đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Kè chống sạt, lở bờ sông Luông, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn thuộc dự án Kè chống sạt, lở bờ sông Luông, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Ban hành định mức xây dựng; số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh về quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn về việc phê duyệt dự án Kè chống sạt, lở bờ sông Luông, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng số 15/2021/TVT ngày 05/7/2021 và số 16/2021/TVT ngày 21/7/2021 của

Công ty TNHH xây dựng đầu tư và phát triển Hùng Phát;

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng (bước thiết kế bản vẽ thi công và dự toán) công trình Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.
2. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp IV.
3. Tên dự án đầu tư xây dựng: Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.
4. Địa điểm xây dựng: Xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.
5. Chủ đầu tư: UBND huyện Quan Sơn.
6. Giá trị dự toán xây dựng do Chủ đầu tư trình: 30.210.300.000 đồng.
7. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương (theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh); ngân sách huyện Quan Sơn và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.
8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng, thương mại xuất nhập khẩu TDCONS.
9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty TNHH xây dựng đầu tư và phát triển Hùng Phát.
10. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Kiến An.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Văn bản pháp lý:
 - Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2020;
 - Quyết định số 472a/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;
 - Công văn số 2532/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 16/6/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;
 - Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn về việc phê duyệt dự án Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;
 - Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Kè chống sạt,

lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;

- Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và chi phí khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;

- Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn về việc phê duyệt chỉ định đơn vị tư vấn khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công - dự toán dự án Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;

- Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn về việc phê duyệt chỉ định đơn vị tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán dự án Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;

- Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn về việc phê duyệt chỉ định đơn vị tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán dự án Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;

- Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán dự án Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;

- Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện Quan Sơn đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;

- Báo cáo số 274/BC-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện Quan Sơn về tổng hợp hồ sơ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn;

- Phụ lục thông tin năng lực hoạt động xây dựng của các nhà thầu khảo sát, thiết kế, thẩm tra và các cá nhân tham gia (kèm theo Văn bản số 274/BC-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện Quan Sơn).

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng đã được Chủ đầu tư nghiệm thu, xác nhận;

- Hồ sơ thiết kế xây dựng bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình;

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng số 15/2021/TVTT ngày 05/7/2021 và số 16/2021/TVTT ngày 21/7/2021 của Công ty TNHH xây dựng đầu tư và phát triển Hùng Phát (kèm theo dự toán đã thẩm tra).

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

3.1. Nhà thầu khảo sát xây dựng công trình: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Kiến An

a) Năng lực đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Kiến An, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số THH-00023802 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 02/5/2019; đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b) Năng lực các cá nhân tham gia:

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Cao Văn Mạnh, chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình số THH-00030556 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 17/7/2018; đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ nhiệm khảo sát địa chất: Nguyễn Khắc Nhân, chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất công trình số TTH-00110062 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 03/12/2020; đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

3.2. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng, thương mại xuất nhập khẩu TDCONS

a) Năng lực đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng, thương mại xuất nhập khẩu TDCONS, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAP-00052091 do Sở Xây dựng Hải Phòng cấp ngày 02/3/2021; đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b) Năng lực hoạt động xây dựng của các cá nhân:

- Chủ nhiệm thiết kế: Lê Thanh Hà, chứng chỉ số THH-00058500 do Sở Xây dựng Thanh Hoá cấp ngày 22/5/2019; đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì dự toán: Lê Thị Trang, chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng số BXD-00094037 do Bộ Xây dựng cấp ngày 26/6/2020; đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

3.3. Nhà thầu thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH xây dựng đầu tư và phát triển Hùng Phát.

a) Năng lực đơn vị: Công ty TNHH xây dựng đầu tư và phát triển Hùng Phát, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAP-00011549 do Sở Xây dựng Hải Phòng cấp ngày 17/7/2020; đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b) Năng lực hoạt động xây dựng của các cá nhân:

- Thẩm tra thiết kế: Trần Chí Thanh, chứng chỉ số HNT-00119927 do Hiệp Hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 04/6/2021; đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Thẩm tra dự toán: Lê Đức Hùng, chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng số 037-0322 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 19/11/2014; đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

Thông tin năng lực của các nhà thầu khảo sát, thiết kế và thẩm tra; các chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, thẩm tra thiết kế, dự toán; chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng các cá nhân có thông tin do Chủ

đầu tư cung cấp tại Phụ lục kèm theo Văn bản số 274/BC-UBND ngày 09/7/2021.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Mục tiêu đầu tư: Xử lý khẩn cấp Kè chống sạt, lở bờ sông Luông, tại khu vực bản Sộp Huổi và bản Bo Hiềng thuộc địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn đảm bảo an toàn, ổn định để bảo vệ tính mạng và tài sản của 243 hộ dân (1.106 nhân khẩu); tài sản của nhà nước (trụ sở UBND, trạm y tế, trường phổ thông DTBT-THCS xã Na Mèo). Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng khu vực biên giới; từng bước xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân địa phương.

2. Quy mô, nội dung đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

2.1. Quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp IV;
- Hệ số ổn định cho phép: $[K] \geq 1,20$;
- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè: $P = 95\%$;
- Tần suất đảm bảo phòng chống lũ: $P = 1,0\%$.

2.2. Nội dung đầu tư: Đầu tư xây dựng Kè chống sạt, lở bờ sông Luông, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn với tổng chiều dài 1.089 m; gồm 2 đoạn: đoạn kè qua bản Sộp Huổi dài 446,0 m và đoạn kè qua bản Bo Hiềng dài 643,0 m.

2.3. Thông số thiết kế chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thông số
1	Đoạn kè qua bản Sộp Huổi		
-	Chiều dài tuyến kè	m	446,00
-	Cao trình đỉnh kè	m	(+283.30) ÷ (+286.00)
-	Cao trình đỉnh tường chân kè	m	(+280.10) ÷ (+282.80)
-	Cao trình đỉnh đồng đá chân kè	m	(+280.10)
-	Cao trình đỉnh đồng đá hộ chân tường kè	m	(+278.10) ÷ (+280.80)
-	Chiều rộng đồng đá chân kè	m	(2,00 ÷ 3,30)
-	Hệ số mái kè	m	2,00
-	Hệ số mái đồng đá chân kè	m	1,50
2	Đoạn kè qua bản Bo Hiềng		
-	Chiều dài tuyến	m	643,00
-	Cao trình đỉnh kè	m	(+266.65) ÷ (+270.00)
-	Cao trình đỉnh tường chân kè	m	(+266.80)
-	Cao trình đỉnh đồng đá chân kè	m	(+263.00 ÷ 264.00)

-	Cao trình đỉnh đồng đá hộ chân tường đỉnh kè	m	(+264.80)
-	Chiều rộng đồng đá chân kè	m	(2,00 ÷ 2,50)
-	Hệ số mái kè	m	2,00
-	Hệ số mái đồng đá chân kè	m	1,50

2.4. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

2.4.1. Giải pháp kỹ thuật đoạn kè qua bản Sộp Huổi:

a) Tuyến kè:

Vị trí, hướng tuyến: Cơ bản bám theo tuyến bờ hữu sông Luồng thuộc bản Sộp Huổi, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, chỉ nắm chính một số vị trí đảm bảo tuyến kè trơn thuận; điểm đầu tuyến tại đầu cầu đi cửa khẩu Na Mèo bắc qua sông Luồng, điểm cuối tuyến tại vị trí hết phạm vi bảo vệ trạm y tế xã Na Mèo. Giải pháp kỹ thuật như sau:

- Chân kè:

+ Đoạn từ K0 ÷ K0+13 (đoạn chuyển tiếp với mố cầu): được xếp bằng rọ đá hộc kích thước (1,0x2,0x0,5) m.

+ Đoạn từ K0+13 ÷ K0+256,2 và K0+360 ÷ K0+446: chân kè bằng tường bê tông cốt thép (BTCT) M250, chiều cao tường H = (3,0 ÷ 3,5)m; chân tường phía ngoài được gia cố bằng đá hộc xếp chèn chặt tạo thành đồng chân kè (chiều rộng mặt cơ 2,0 m và hệ số mái m = 1,5), mặt và mái đồng đá từ cao trình đỉnh xuống 0,55 m được xếp rọ đá hộc kích thước (1,0x2,0x0,5) m; dọc theo tuyến tường BTCT cứ 11,8 m cắt một khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường. Lưng tường phía trong đắp đất đầm trị chặt đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; tại chân tường làm tường lọc ngược và bố trí lỗ thoát nước giảm áp bằng ống nhựa PVC D = 34 mm. Mặt trên đất đắp lưng tường (từ đỉnh tường đến dầm chân kè) gia cố bằng bê tông thường (BTT) M200 dày 20 cm, dưới lót 1 lớp ni lông tái sinh và dọc theo tuyến cứ 7,5 m cắt một khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường. Riêng đoạn tường BTCT từ K0+123 ÷ K0+213 bản đáy tường mở rộng thêm 0,5 m và được liên kết với nền đá bằng thép Ø20 mm, khoan cắm sâu vào nền với chiều sâu 0,55 m (các lỗ khoan bố trí so le theo hình hoa thị, khoảng cách giữa các lỗ khoan là 0,5 m).

+ Đoạn từ K0+256,2 ÷ K0+360: chân kè kiểu lăng thể tựa bằng đá hộc xếp chèn chặt (chiều rộng mặt cơ 3,3 m và hệ số mái m = 1,5); mặt và mái từ cao trình đỉnh lăng thể xuống 0,55 m được xếp rọ đá hộc kích thước (1,0x2,0x0,5) m. Khóa đỉnh rọ đá bằng dầm BTCT M250 kích thước (bxb) = (30x50) cm, dọc tuyến cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường.

- Mái kè:

+ Đoạn từ K0 ÷ K0+13 (đoạn chuyển tiếp với mố cầu): được xếp bằng rọ đá hộc kích thước (1,0x2,0x0,5) m.

+ Đoạn từ K0+13 ÷ K0+446: được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn

(BTĐS) M250, kích thước (40x40x16) cm trong hệ khung dầm bằng BTCT M250 được tạo bởi các dầm dọc và ngang mái kè; dưới cầu kiện là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 01 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 (hoặc tương đương); **riêng thân kè đoạn từ K0+13 ÷ K0+256,2 và từ K0+360 ÷ K0+446 mái bờ sông hiện trạng sạt lở thẳng đứng, tụt hẳn so với mái thiết kế được bù phụ bằng đá học xếp chèn chặt trước gia cố mái bằng cầu kiện BTĐS**; dọc tuyến dầm chân kè cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường.

- Đỉnh kè: bằng dầm BTCT M250, dọc tuyến cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường.

+ Đoạn từ K0 ÷ K0+30,5 dài 30,5 m: phía trên đỉnh kè được đào bạt (m = 1,50) và gia cố bằng tấm lục lăng bằng BTT M200 (trong hệ khung, dầm bằng BTT M200) phía trong trồng cỏ chống xói lở.

+ Đoạn từ K0+30,5 ÷ K0+227 dài 196,5 m: phần mái đất phía trên dầm đỉnh kè được đào bạt và gia cố 1 hàng rọ đá kích thước (1,0x2,0x0,5) m theo phương dọc rọ, dưới là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 01 lớp vải địa kỹ thuật.

+ Đoạn từ K0+171,5 ÷ K0+227 dài 55,5 m: tại mép trong của rọ đá bố trí tường rào bằng lan can thép hình, móng và chân tường bằng BTT M200 để đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên Trường PTDT BT THCS Na Mèo.

b) Công trình trên tuyến:

- Bậc lên xuống (bến rửa): làm mới 02 bậc lên xuống tại K0+221 và K0+256,2; kết cấu bằng BTT M200.

- Rãnh tiêu nước dân sinh tại K0+93: làm mới rãnh tiêu nước dân sinh nối tiếp với cống qua đường hiện có; kích thước rãnh (1,0x1,0) m, kết cấu bằng BTT M200.

- Đường thi công kết hợp QLVH tại K0+256 (kết nối với Quốc lộ 217): dài 130,20 m, có giải pháp thiết kế như sau:

+ Đoạn đường hoàn trả dài 84,2 m: sau khi thi công mặt đường được hoàn trả bằng BTT M250 dày trung bình 20 cm với chiều rộng 4,5 m;

+ Đoạn đường làm mới dài 46 m: trên cơ sở đường hiện có, mặt đường được gia cố bằng BTT M250 dày 20 cm, lớp là cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm, với chiều rộng mặt bê tông là 4,5 m

Dọc theo chiều dài tuyến đường cứ 7,5m cắt 01 khe lún sâu 17 cm.

2.4.2. Đoạn kè qua bản Bo Hiềng:

a) Tuyến kè:

Vị trí, hướng tuyến: Cơ bản bám theo tuyến bờ hữu sông Luông thuộc bản Bo Hiềng, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, chỉ nấn chỉnh một số vị trí đảm bảo tuyến kè trơn thuận; điểm đầu tuyến tại đầu bản Bo Hiềng, điểm cuối tuyến tại vị trí hết phạm vi bảo vệ khu dân cư. Giải pháp kỹ thuật như sau:

- Chân kè:

+ Đoạn từ K0 ÷ K0+110: chân kè bằng tường BTCT M250 chịu lực, chiều

cao tường $H = 3,0$ m; chân tường phía ngoài được gia cố bằng đá hộc xếp chèn chặt tạo thành đồng chân kê (chiều rộng mặt cơ $2,0$ m và hệ số mái $m = 1,5$), mặt và mái đồng đá từ cao trình lững thể xuống $0,55$ m được xếp rọ đá hộc kích thước $(1,0 \times 2,0 \times 0,5)$ m; dọc theo tuyến tường BTCT cứ $11,8$ m cắt một khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường. Lưng tường phía trong đắp đất đầm trị chặt đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; tại chân tường làm tường lọc ngược và bố trí lỗ thoát nước giảm áp bằng ống nhựa PVC $D = 34$ mm. Mặt trên đất đắp lưng tường (từ đỉnh tường đến đầm chân kê) gia cố bằng BTT M200 dày 20 cm, dưới lót ni lông tái sinh và dọc theo tuyến cứ $7,5$ m cắt một khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường. Riêng đoạn tường BTCT từ $K0 \div K0+27,4$ bản đáy tường được liên kết với nền đá bằng thép $\varnothing 20$ mm, khoan cắm sâu vào nền với chiều sâu $0,55$ m (các lỗ khoan bố trí so le theo hình hoa thị, khoảng cách giữa các lỗ khoan là $0,5$ m).

+ Đoạn từ $K0+110 \div K0+643$: chân kê kiểu lững thể tựa bằng đá hộc xếp chèn chặt (chiều rộng mặt cơ $2,5$ m và hệ số mái $m = 1,5$); mặt và mái từ cao trình đỉnh lững thể xuống $0,5$ m được xếp đá lát khan chèn chặt dày 30 cm. Khóa đỉnh đá lát khan bằng đầm BTCT M250 kích thước (bxh) = (30×50) cm, dọc tuyến cứ $11,80$ m bố trí 1 khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường.

- Mái kê: được gia cố bằng cấu kiện BTĐS M250, kích thước $(40 \times 40 \times 16)$ cm trong hệ khung dầm bằng BTCT M250 được tạo bởi các dầm dọc và ngang mái kê; dưới cấu kiện là lớp đá dăm (1×2) cm dày 10 cm và 01 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 (hoặc tương đương); riêng thân kê đoạn từ $K0 \div K0+110$ mái bờ sông hiện trạng sạt lở thẳng đứng, tụt hẳn so với mái thiết kế được bù phụ bằng đá hộc xếp chèn chặt trước gia cố mái bằng cấu kiện BTĐS; dọc tuyến dầm chân kê cứ $11,80$ m bố trí 1 khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường.

- Đỉnh kê:

+ Đoạn từ $K0 \div K0+110$: khoá đỉnh kê bằng dầm BTCT M250, dọc tuyến cứ $11,80$ m bố trí 1 khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường.

+ Đoạn từ $K0+110 \div K0+643$: khoá đỉnh kê bằng dầm BTCT M250, phía trong đỉnh kê là đường quản lý rộng $3,0$ m được gia cố bằng BTT M200 dày 20 cm, dưới là lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm; dọc tuyến đường cứ $7,5$ m cắt một khe lún sâu 17 cm.

b) Công trình trên tuyến:

- Bậc lên xuống (bến rửa): trên tuyến bố trí 1 bậc lên xuống tại $K0+267,5$; rộng $3,0$ m, kết cấu bằng BTT M200.

- Cống tiêu nước khu dân cư:

+ Cống tiêu tại $K0+45$: giữ nguyên cống cũ hiện có, nối tiếp hạ lưu cống bằng hình thức bậc nước rộng $2,0$ m; kết cấu bằng BTT M200;

+ Cống tiêu tại $K0+175$: hình thức cống tròn, bằng ống cống BTLT đúc sẵn, khẩu diện $D = 60$ cm; các bộ phận bản đáy, sân trước, sân sau, tường đầu bằng BTT M200; đất đắp hoàn thiện đầm trị chặt đạt yêu cầu $K \geq 0,95$;

+ Rãnh tiêu nước khu dân cư tại K0+417: chiều rộng rãnh $B = 2,5$ m, kết cấu bằng BTT M250.

- Đường thi công kết hợp QLVH (kết nối với đường Na Mèo đi Sơn Thủy) dài 120,50 m: trên cơ sở tuyến đường hiện có, đắp tôn cao, mở rộng mặt đường đảm bảo $B_{\text{ nền}} = 5,0$ m; đất đắp đảm bảo chặt đảm bảo $K \geq 0,95$ (hệ số mái ta luy đất đắp $m = 1,50$); mặt đường gia cố bằng BTT M250 dày 20 cm với chiều rộng gia cố 4,0 m, dưới lót lớp ni lon tái sinh và lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm; dọc tuyến đường cứ 7,5 m cắt một khe lún sâu 17 cm.

(Vị trí, hình thức kết cấu chi tiết, biện pháp thi công các hạng mục công trình thể hiện trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng: thành phần, nội dung hồ sơ thiết kế xây dựng, hồ sơ thẩm tra thiết kế đầy đủ theo các quy định hiện hành; thiết kế xây dựng áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam; thiết kế chi tiết các hạng mục công trình cơ bản phù hợp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra: các nhà thầu khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế có năng lực phù hợp quy mô công trình; cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, các cá nhân tham gia thực hiện các lĩnh vực chuyên ngành có chứng chỉ hành nghề theo quy định.

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định: thiết kế bản vẽ thi công cơ bản phù hợp với thiết kế cơ sở của Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định tại Công văn số 2532/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 16/6/2021. Tuy nhiên, để phù hợp thực tế, một số chi tiết, bộ phận công trình có điều chỉnh thiết kế so với thiết kế cơ sở nhưng không thay đổi nhiệm vụ công trình, cụ thể:

- Đoạn từ K0+30,5 - K0+227 dài 196,5 m: phần mái đất phía trên dầm đỉnh kè được đào bạt và gia cố 1 hàng rọ đá kích thước (1,0x2,0x0,5) m theo phương dọc rọ: theo hồ sơ tính toán, hệ số gradien thấm tại đỉnh kè cho kết quả gradien thấm $J_{\text{max}} > J_{\text{[cp]}}$; vì vậy, để đảm bảo ổn định công trình Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế đề xuất biện pháp xử lý bằng xếp 1 hàng rọ đá kích thước (1,0x2,0x0,5) m theo phương dọc rọ, dưới là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 01 lớp vải địa kỹ thuật là phù hợp.

- Đoạn từ K0+171,5 ÷ K0+227 dài 55,5 m: tại mép trong của rọ đá bố trí tường rào bằng lan can thép hình, móng và chân tường bằng BTT M200 để đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên Trường PTDT BT THCS Na Mèo là phù hợp với tình hình thực tế và đề nghị của Chủ đầu tư tại Công Văn số 1149a/UBND-QLDA ngày 19/7/2021.

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy

định: kết quả thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành có liên quan, đủ điều kiện để sử dụng phục vụ thẩm định.

5. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng:

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng công trình; các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng công trình: đầy đủ, hợp lệ;

b) Sự phù hợp của dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình: phù hợp;

c) Sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình với các nội dung và yêu cầu của dự án: các nội dung dự toán xây dựng công trình phù hợp với các nội dung và yêu cầu của dự án.

d) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức, giá xây dựng công trình và các công cụ cần thiết khác theo quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố: cơ bản phù hợp; một số chi phí, đơn giá trong dự toán trình thẩm định chưa phù hợp, đề nghị Chủ đầu tư chỉnh sửa trước khi phê duyệt, cụ thể:

- Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của Cơ quan quản lý nhà nước tạm tính là 124.764.002 đồng, đề nghị lấy theo giá trị đã được Chủ đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 là 20.000.000 đồng;

- Chi phí thẩm định bản vẽ thi công và dự toán nhân với hệ số 0,5 theo Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19;

- Tuyển kè qua bản Sộp Huổi (tuyển kè số 1): cấp phối đá dăm loại 2 lớp dưới áp dụng mã AD.11222, đề nghị áp dụng theo mã AD.11212; công tác khai thác cỏ chưa đề cập trong dự toán, đề nghị bổ sung và áp dụng theo mã SF.11212; công tác vận chuyển cỏ cự ly 270 m nhân hệ số 0,6 là không có cơ sở, đề nghị không nhân với hệ số này;

- Tuyển kè qua bản Bo Hiềng (tuyển kè số 2): Khi tính khối lượng vận chuyển đất đào còn thừa (sau khi đã tận dụng để đắp) ra bãi thải chưa trừ phần khối lượng đã tận dụng để đất đắp mặt bằng thi công và tuyến đường phục vụ thi công;

- Về giá các loại vật tư, vật liệu: đề nghị cập nhật giá vật liệu theo Công bố giá Quý 2/2021 tại Văn bản số 4663/LSXD-TC ngày 06/7/2021 của Giám đốc Sở Xây dựng Thanh Hóa; đối với các loại vật tư, vật liệu không có trong Công bố giá của Liên Sở Xây dựng - Tài chính, đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra đang lấy theo các báo giá của đơn vị cung cấp hoặc tạm tính. Đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo tư vấn thiết kế, thẩm tra rà soát đảm bảo nhất quán trong dự toán; đồng thời hợp đồng với đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm định giá làm cơ sở cập nhật giá gói thầu trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu;

- Về giá ca máy và thiết bị thi công: dự toán trình thẩm định chưa cập nhật giá nhiên liệu tại thời điểm hiện hành, đề nghị cập nhật giá nhiên liệu tại thời điểm phê duyệt.

e) Danh mục định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh (nếu có) và phương pháp xác định: không; xác định danh mục các định mức cần tổ chức khảo sát trong quá trình thi công xây dựng: không.

6. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường: nội dung thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công công trình đã nêu cơ bản đầy đủ các yêu cầu phải thực hiện để đảm bảo phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình.

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan: pháp luật hiện hành không có các yêu cầu khác đối với công trình.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Sửa đổi, bổ sung hồ sơ thiết kế: không

b) Sửa đổi, bổ sung dự toán xây dựng: đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo nhà thầu tư vấn thiết kế, thẩm tra chỉnh sửa một số nội dung đã nêu tại điểm d khoản 5, Mục IV Công văn này .

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu sử dụng trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng trình thẩm định (các tài liệu khảo sát địa hình, địa chất; khí tượng, thủy văn phục vụ công tác lập thiết kế; các báo giá vật tư, vật liệu; cự ly, chủng loại ô tô vận chuyên; cấp, loại đường vận chuyên đất, phế thải ra bãi thải của các hạng mục công trình). Chủ đầu tư kiểm tra, chỉ đạo nhà thầu tư vấn thiết kế, thẩm tra hoàn thiện các nội dung được nêu tại điểm d khoản 5, Mục IV Công văn này, đồng thời nộp 01 bản chụp tài liệu thiết kế xây dựng đã được chỉnh sửa và đóng dấu thẩm định về Sở Nông nghiệp và PTNT để lưu trữ và quản lý theo quy định.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng (bước thiết kế bản vẽ thi công và dự toán) công trình Kè chống sạt, lở bờ sông Luồng, địa phận xã Na Mèo, huyện Quan Sơn đủ điều kiện để trình phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, QLXDCT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoài Nam

